TÒA ÁN NH DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H10 phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày: 14 - 11 - 2019

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng;

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Hội thẩm nH dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hoai;

2. Ông Võ Văn Ngân;

3. Ông Dương Văn Phong.

- Thư ký phiên tòa:

1. Bà Nguyễn Thị Dung, Thư ký Tòa án nH dân tỉnh An Giang;

2. Ông Lâm Trí Nguyên, Thư ký Tòa án nH dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hường, Kiểm sát viên;

2. Ông Nguyễn Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nH dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/HSST-QĐ ngày 17/11/2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/11/1980, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Cử nH luật; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1946 và bà Trần Thị L, sinh năm 1957; có chồng: Huỳnh Phú V, sinh năm 1973; có 02 người con, cháu lớn sinh năm 2005, cháu nhỏ sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam: 01/12/2018 cho đến nay, có mặt.

- *Người được chỉ định bào chữa*: Bà Hồ Hoàng P2, luật sư Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng P2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người bào chữa*: Ông Lương Tống Th, luật sư Văn phòng Luật sư Lương Tống Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Lê Thị Đ, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

2. Lê Thị Thanh Th1, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

3. Dương Thị H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp M1, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

4. Nguyễn Anh Th2, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Tr2, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

5. Trần Thiện Thanh Th3, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

6. Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

Đã ủy quyền hợp pháp cho ông Lê Xuân V, sinh năm 1976, cùng nơi cư trú của Nguyễn Thị Thu Ng, có mặt;

7. Nguyễn Thị Anh Th4, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Th2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

8. Lê Thị V5, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

9. Trương Thị Lệ Th5, sinh năm 1955; nơi cư trú: ấp Phú X, thị trấn Chợ V2, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

10. Huỳnh Thị R, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng có:

- Ông Nguyễn Trung H2, sinh năm: 1957 (chồng); nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang;

- Các con: Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1981; Nguyễn Hoàng V3, sinh năm: 1979; cùng nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang và Nguyễn Thị Hoàng Th5, sinh năm: 1983; nơi cư trú: ấp Hậu Giang 1, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh An Giang.

Ông H, ông Q và ông V3 cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hoàng Th5 tham gia tố tụng tại Tòa án (theo hợp đồng ủy quyền ngày 16/10/2019 tại văn phòng công chứng Lục Văn T) , có mặt;

11. Hà Thị M1, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp Phú Q1, xã Phú A, huyện P,

tỉnh An Giang, có mặt;

12. Nguyễn Bạch Đ1, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

13. Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

14. Ngô Thị Nh, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

15. Lê Thị Kim Ph2, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

16. Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Th2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

17. Nguyễn Thị Từ U, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp Th2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

18. Ngô Thị H1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

19. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Hiệp H3, xã Hiệp X1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

20. Tạ Thị Phương Th6, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Trung Th7, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

21. Nguyễn Thị Cẩm Th16, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp Trung Th7, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

22. Phan Thị Thu H4, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

23. Nguyễn Nhựt L, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Tr2, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

24. Bùi Trần Phương Th8, sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp Mỹ L1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

25. Trịnh Thị Trà M2, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Trung Th7, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

26. Trịnh Thị Kim L2, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

27. Lê Duy A1, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Mỹ L1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

28. Nguyễn Thị Hồng Nh1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

29. Nguyễn Thị L3, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

30. Nguyễn Thị L4, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P,

tỉnh An Giang, có mặt;

31. Huỳnh Thị Kim Th9, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Bình Trung 1, xã Bình TH10 Đ2, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

32. Phạm Thị Đan D1, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Tr2, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

33. Trương Thị Tuyết Ng1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp P1 Thượng, xã Phú TH10 , huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

34. Phạm Thị Kim Kh, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

35. Lê Thị Ngọc D2, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

36. Lê Ngọc Th11, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

37. Cao Thị S, sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp Th 3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

38. Huỳnh Thị H6, sinh năm 1953; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

39. Nguyễn Uy B, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Th2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang;

Đã ủy quyền hợp pháp cho ông Dư Anh T1, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp Phú X, thị trấn Chợ V2, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

40. Ngô Thiện Thu H7, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

41. Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Trung Th7, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

42. Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Th12, xã Thường Thới T3, huyện H10 , tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt;

43. Nguyễn Thị Thúy Ng2, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

44. Trần Văn Th13, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp P1 Hạ, xã Phú TH10 , huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

45. Trần Xuân H8, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Cái Tắc, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

46. Nguyễn Thị Thanh Th14, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Tr3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

47. Huỳnh Thị Bích Ph, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Thượng 2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

48. Lương Kim Ph1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P,

tỉnh An Giang, vắng mặt;

49. Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp Tr2, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

50. Nguyễn Thị Kim H9, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

51. Nguyễn Thị L5, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Th12, xã Thường Thới T3, huyện H10 , tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt;

52. Bùi Thị Tiết H11, sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp K, xã K2, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, có mặt;

53. Nguyễn Ngọc Bửu C, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Th2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

54. Bùi Trương Kim Kh1, sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp Phú X, thị trấn Chợ V2, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

55. Châu Thị P3, sinh năm: 1964; nơi cư trú: ấp Thượng 2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

56. Châu Thị Tr1, sinh năm: 1962; nơi cư trú: ấp Thượng 2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

57. Châu Thị V4, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Thượng 2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

58. Phạm Thị Đan TH10 , sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

59. Huỳnh Túy Ph4, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Th12, xã Thường Thới T3, huyện H10 , tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt;

60. Dư Anh T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Phú X, thị trấn Chợ V2, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

61. Trần Thị Kim Ng3, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

62. Võ Thị V6, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Phú Q1, xã Phú A, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

63. Trần Thị Hồng Th15, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

64. Nguyễn Thị Tr2, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp Phú Q1, xã Phú A, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

65. Phan Kim V7, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp TrThạnh, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

66. Trần Thị Tú L6, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp TrThạnh, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

67. Nguyễn Châu Ngọc Tr3, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Th2, thị trấn P1,

huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

68. Nguyễn Thị L7, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

69. Đinh Thị Ngọc Y1, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp Thượng 2, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

70. Ngô Thái D3, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

71. Nguyễn Thị Thúy A2, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Phú V8, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

2. Châu Thị Mỹ Kh2, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp Tr1, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

3. Dương Minh L8, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Vàm Nao, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

4. Hà Trúc L9, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Tr Thạnh, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

5. Nguyễn Thị M3, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Phú H5, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

6. Thái Thị Thu C2, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Th3, thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

7. Trần Thị Hải Ng4, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Phú Trung, xã Phú Thành, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

8. Huỳnh Cao Ng5, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp Th1, xã Thường Thới T3, huyện H10 , tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bùi Thị Thu H, vắng mặt;

2. Bùi Thị Thuần M, vắng mặt;

3. Bùi Văn Ch, vắng mặt;

4. Châu Thị N, vắng mặt;

5. Đàm Kim V, vắng mặt;

6. Đinh Thị Thu H, vắng mặt;

7. Đoàn Thị Thanh T, vắng mặt;

8. Dương Bích T, vắng mặt;

9. Dương Hoài Ph, vắng mặt;
10. Dương Thị H, vắng mặt;
11. Hà Thị Cẩm H, vắng mặt;
12. Huỳnh Công T, vắng mặt;
13. Huỳnh Thị Phương Th, vắng mặt;
14. Huỳnh Thị Quý Ph, vắng mặt;
15. Huỳnh Thị Thể Ph, vắng mặt;
16. Huỳnh Thị Thúy L, vắng mặt;
17. Huỳnh Thị Thúy V, vắng mặt;
18. Huỳnh Tr, vắng mặt;
19. Huỳnh Trung H, vắng mặt;
20. Khương Kim C, vắng mặt;
21. Lâm Thị Kim Th, vắng mặt;
22. Lâm Thị Thúy A, vắng mặt;
23. Lê Bảo T, vắng mặt;
24. Lê Hữu Ngh, vắng mặt;
25. Lê Thị Hồng Nh, vắng mặt;
26. Lê Thị Ngọc L, vắng mặt;
27. Lê Thị Ph, vắng mặt;
28. Lê Thị Thùy Ng, vắng mặt;
29. Lê Thị Tuyết T, có mặt;
30. Lê Thực Tr, vắng mặt;
31. Lý Hoàng Tr, vắng mặt;
32. Ngô Hoàng G, vắng mặt;
33. Ngô Thị A, vắng mặt;
34. Ngô Thị Bé T, vắng mặt;
35. Nguyễn Đặng Ánh Ng, vắng mặt;
36. Nguyễn Hoàng Ph, vắng mặt;
37. Nguyễn Huỳnh Yến Nh, vắng mặt;
38. Nguyễn Kim C, vắng mặt;
39. Nguyễn Kim Tr, vắng mặt;
40. Nguyễn Ngọc T, vắng mặt;
41. Nguyễn Thành D, vắng mặt;

42. Nguyễn Thị Ánh B, vắng mặt;
43. Nguyễn Thị H, vắng mặt;
44. Nguyễn Thị Huỳnh A, vắng mặt;
45. Nguyễn Thị Kim Th, vắng mặt;
46. Nguyễn Thị Kim T, vắng mặt;
47. Nguyễn Thị Lệ Th, vắng mặt;
48. Nguyễn Thị Mỹ H, vắng mặt;
49. Nguyễn Thị Mỹ L, có mặt;
50. Nguyễn Thị Mỹ Th, vắng mặt;
51. Nguyễn Thị Ng, vắng mặt;
52. Nguyễn Thị Ngọc T, vắng mặt;
53. Nguyễn Thị N, vắng mặt;
54. Nguyễn Thị Q, vắng mặt;
55. Nguyễn Thị R, vắng mặt;
56. Nguyễn Thị Thúy H, vắng mặt;
57. Nguyễn Thị Thùy Tr, vắng mặt;
58. Nguyễn Thị T, vắng mặt;
59. Nguyễn Thị Xuân Th, vắng mặt;
60. Nguyễn Thụy Trâm A, vắng mặt;
61. Nguyễn Văn Ngh, vắng mặt;
62. Phạm Hoài Ph, vắng mặt;
63. Phạm Lê Bích Ng, vắng mặt;
64. Phạm Nguyễn Huyền Tr, vắng mặt;
65. Phạm Thị Kim Th, vắng mặt;
66. Phạm Thị Th, vắng mặt;
67. Phạm Thị Thu H, vắng mặt;
68. Phạm Thị Yến Ng, vắng mặt;
69. Phạm Thu Th, vắng mặt;
70. Phạm Văn H, vắng mặt;
71. Phạm Văn S, vắng mặt;
72. Phan Trần Kim Th, vắng mặt;
73. Thái Thị Diệu L, vắng mặt;
74. Trần Kim H, vắng mặt;

75. Trần Ngọc Th, vắng mặt;

76. Trần Thanh Nh, vắng mặt;

77. Trần Thị Bảo V, vắng mặt;

78. Trần Thị Diễm M, vắng mặt;

79. Trần Thị L, vắng mặt;

80. Trần Thị Ngọc V, vắng mặt;

81. Trần Thị Nh, vắng mặt;

82. Trần Thị Q, vắng mặt;

83. Trần Thị T, vắng mặt;

84. Trần Văn T, vắng mặt;

85. Trần Việt D, vắng mặt;

86. Trang Thị L, vắng mặt;

87. Trương Thị Bích L, vắng mặt;

88. Trương Văn H, vắng mặt;

89. Văng Thị Ng, vắng mặt;

90. Võ Công M, vắng mặt;

91. Võ Thanh H, vắng mặt;

92. Vương Thị S, vắng mặt;

93. Nguyễn Thị Ngọc D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, thông qua các mối quan hệ xã hội, Trần Thị Ngọc H trực tiếp đứng ra làm chủ nhiều dây hụi để hưởng tiền hoa hồng. Trước khi mở một dây hụi, H thông báo cho những người tham gia biết và chốt danh sách số lượng người tham gia của từng dây hụi. Hàng tháng theo định kỳ, H tổ chức khui hụi và giao tiền hốt hụi cho hụi viên đầy đủ, đúng thời gian quy định.

Đến khoảng năm 2014, H bắt đầu vỡ hụi và không còn khả năng thanh toán tiền cho các hụi viên nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên để tiếp tục duy trì các dây hụi do H làm chủ. Để thực hiện, H mở thêm nhiều dây hụi, cho nhiều người tham gia và tự thêm những tên khống (không có người thật chơi hụi) vào các dây hụi của H tổ chức. Đến kỳ khui hụi, lợi dụng một số hụi viên nuôi hụi, không đến bỏ thăm, H đã tự ý lấy tên của những người này hoặc những tên khống do H tự đặt ra để hốt hụi rồi nói dối với các hụi viên có người đã hốt để chiếm đoạt tiền của các hụi viên.

Đến tháng 11/2016, H tuyên bố vỡ hụi (ngưng hụi), cụ thể:

Từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2016, H tổ chức 28 dây hụi (hụi tháng) từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho 170 hụi viên tham gia. Qua đối chiếu xác định H đã lấy hốt 196 phần hụi, với tổng số tiền 8.923.775.000 đồng, trong đó H lấy hốt 106 phần hụi ghi tên khống để chiếm đoạt 4.129.400.000 đồng; tự ý lấy hốt 90 phần hụi của các hụi viên tham gia để hốt được 4.794.375.000 đồng. Sau khi đã đóng lãi hụi, trả lại một số phần hụi và trả lãi các phần hụi đã hốt đến thời điểm H tuyên bố vỡ hụi thì còn chiếm đoạt 5.816.115.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, H sử dụng vào việc trả tiền vay, đóng lãi vay và tiêu xài cá nH. Ngoài ra, H còn tham gia 23 phần hụi trong các dây hụi do H tổ chức và đã hốt được số tiền 1.138.700.000 đồng. Hiện H còn nợ 1.669.000.000 đồng tiền hụi chết và 04 hụi viên còn nợ H 204.000.000 đồng tiền hụi.

Đến tháng 11/2016 (sau khi tuyên bố vỡ hụi), trong số 134/170 hụi viên tham gia của 28 dây hụi bị H chiếm đoạt tiền thì H đã thỏa thuận và cấn trừ tiền hụi cho 57 hụi viên, còn 77 hụi viên H chưa cấn trừ tiền, với tổng số tiền là 6.336.440.000 đồng (tiền vốn) và 2.146.560.000 đồng (tiền lãi). Trong đó, có 06 hụi viên H còn nợ hụi 235.100.000 đồng nhưng không thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt; 71 hụi viên còn lại H đã tự ý lấy tên của những người tham gia hoặc tên khống để hốt hụi, chiếm đoạt tổng cộng 2.871.890.000 đồng (tiền vốn), gồm:

- **Dây hụi 1:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 02/01/2015 (12/11/2014 âm lịch) có 24 phần, khui đến lần thứ 23 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 03 phần (Sang T4, H10 và Loan mt), hốt hụi được 221.400.000 đồng và đã đóng lại hụi 168.580.000 đồng, còn lại 52.820.000 đồng; tự lấy tên của hụi viên tham gia hốt 08 phần (Lê Thị Thanh Th1, Huỳnh Thị Thế P4, Lâm Kim P5, Phạm Thị Thu H12, Châu Thị P3, Vương Thị S1, Nguyễn Thị Kim H9 và Châu Thị Tr1) được 644.300.000 đồng, trả lãi 67.740.000 đồng, trả lại 06 phần cho hụi viên với số tiền 654.150.000 đồng và H bị lỗ 77.590.000 đồng. (BL 556-561)

Trong dây hụi này, sau khi cấn trừ tiền lãi H bị lỗ 24.770.000 đồng và còn nợ 02 phần hụi lấy hốt, với số tiền 225.000.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 02 hụi viên, gồm: Lê Thị Đ 10.400.000 đồng, Lê Thị Thanh Th1 82.260.000 đồng. Tổng cộng 92.660.000 đồng.

- **Dây hụi 2:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 09/01/2015 (19/11/2014 âm lịch) có 24 phần, khui đến lần thứ 23 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 13 phần (Trịnh Duy L10, Huỳnh Thị Quý Ph5, Huỳnh Thị Quý Ph5, Huỳnh Thị Quý Ph5, Nguyễn Đặng Ánh Ng4, Dương Thị H1, Bùi Thị Bé S2, Nguyễn Thị Anh Th4, Võ Công M3, Võ Công M3, Nguyễn Kim C2, Nguyễn Hoàng Ph6 và Lê Hữu Ng7), hốt hụi được 309.500.000 đồng, đã đóng lại hụi 148.700.000 đồng, còn lại 160.800.000 đồng; tự lấy tên của hụi viên tham gia hốt 06 phần (Dương Thị H1, Nguyễn Anh Th2, Trần Thiện Thanh Th3, Nguyễn Thị Cẩm T2, Trần Thiện Thanh Th3 và Nguyễn Hoàng Ph6) được 158.300.000 đồng, trả lãi 8.200.000 đồng, trả lại 04 phần cho hụi viên với số tiền 267.300.000 đồng và H bị lỗ 117.200.000 đồng (BL 562-567).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 43.600.000 đồng và còn nợ 02 phần lấy hốt, với số tiền 135.000.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 02 hụi viên, gồm: Dương Thị H1 và Nguyễn Anh Th2, mỗi người 52.750.000 đồng. Tổng cộng 105.500.000 đồng.

- **Dây hụi 3:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 21/01/2015 (ngày 02/12/2014 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 22 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 03 phần (Trần Thị L11, Huỳnh Thị Quý Ph7 và Trương Thị Lệ Th5) hốt hụi được 242.400.000 đồng, đã đóng lại hụi 159.200.000 đồng, còn lại 83.200.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia hốt 07 phần (Lê Thị V5, Trần Thiện Thanh Th3, Trần Thị Q2, Trương Thị Lệ Th5, Trương Thị Lệ Th5, Nguyễn Thị Anh Th4 và Nguyễn Thị Thu Ng) được 572.300.000 đồng, trả lãi 70.250.000 đồng và trả lại 01 phần cho hụi viên với số tiền 110.500.000 đồng, còn lại 391.550.000 đồng (BL 568-573).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 474.750.000 đồng và còn nợ 06 phần lấy hốt, với số tiền 480.000.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 06 hụi viên, gồm: Trần Thiện Thanh Th3, Nguyễn Thị Thu Ng, Nguyễn Thị Anh Th4, Lê Thị V5, Trương Thị Lệ Th5, mỗi người 80.000.000 đồng và Lê Thị Thanh Th1 21.300.000 đồng. Tổng cộng 421.300.000 đồng.

- Dây hụi 4: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 14/3/2015 (tức ngày 24/01/2015 âm lịch), có 32 phần, khui đến lần thứ 21 thì tuyên bố vỡ hụi; H tự lấy tên hụi viên tham gia hốt 11 phần (Nguyễn Huỳnh Yến Nh2, Lê Thực Tr, Phạm Văn S, Phạm Văn H, Phạm Văn H, Huỳnh Tr, Huỳnh Tr, Dương Bích T, Phạm Thị Yến Ng, Nguyễn Thị L3 và Lê Thị Thùy Ng) được 259.090.000 đồng, trả lãi 22.020.000 đồng và trả lại 03 phần cho hụi viên, với số tiền 83.660.000 đồng, còn lại 153.410.000 đồng. (BL 574-578)

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 153.410.000 đồng và còn nợ 08 phần hụi tự lấy hốt, với số tiền 120.800.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H đã thỏa thuận và cấn trừ, không còn chiếm đoạt tiền của hụi viên.

- **Dây hụi 5:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 18/3/2015 (ngày 28/01/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 21 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 06 phần (Trần Thị Tuyết, Bùi Thị Bé S2, Lương Kim Ph1, Bích L, Phạm Văn H, Nguyễn Thị L7), hốt hụi được 210.290.000 đồng, đã đóng lại hụi 96.500.000 đồng, còn lại 113.790.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia hốt 06 phần (Nguyễn Hoàng V1, Huỳnh Thị R, Huỳnh Thị R, Trần Thị L11, Nguyễn Bạch Đ1, Ngô Thị Nh) được 196.760.000 đồng, trả lãi 19.350.000 đồng, còn lại 177.410.000 đồng.

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 291.200.000 đồng và còn nợ 06 phần lấy hốt với số tiền 277.680.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 06 hụi viên, gồm: Huỳnh Thị R 92.560.000 đồng; Hà Thị M1 27.340.000 đồng; Nguyễn Bạch Đ1, Nguyễn Hoàng V1, Ngô Thị Nh, mỗi người 46.280.000 đồng và Lê Thị Đ 13.670.000 đồng. Tổng cộng 272.410.000 đồng.

- **Dây hụi 6:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu vào ngày 27/3/2015 (ngày 08/02/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 20 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 04 phần (Thái Thị Diệu L, Trần Thị L11, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ánh B), hốt hụi được 188.300.000 đồng, đã đóng lại hụi 89.300.000 đồng, còn lại 99.000.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia hốt 06 phần (Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị D, Lê Thị Kim Ph2, Phạm Thị Thu H12, Nguyễn Thị Xuân Th, Nguyễn Thị Xuân Th), được 266.600.000 đồng, trả lãi 28.150.000 đồng, còn lại 238.450.000 đồng. (BL 586-589).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 337.450.000 đồng và còn nợ 06 phần hụi lấy hốt với số tiền vốn 273.300.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 03 hụi viên, gồm: Lê Thị Kim Ph2, Nguyễn Thị D, mỗi người 45.550.000 đồng và Nguyễn Thị Từ U 9.500.000 đồng. Tổng cộng 100.600.000 đồng.

- **Dây hụi 7:** Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 24/4/2015 (ngày 06/3/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 19 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 10 phần, hốt hụi 09 phần (BS Kh, BS Kh, Ng, Trâm A, Đức A, Xuân H, Tú TK, Thiếm Kh và Anh Th), được 97.250.000 đồng, đã đóng lại hụi 90.590.000 đồng, còn lại 6.660.000 đồng (BL683-685).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 6.660.000 đồng. Đến khi vỡ hụi H còn chiếm đoạt của 02 hụi viên, gồm: Ngô Thị H1 và Nguyễn Văn H2, mỗi người 6.660.000 đồng. Tổng cộng 13.320.000 đồng.

- **Dây hụi 8:** Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 27/5/2015 (ngày 10/04/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 18 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 06 phần (Lê Thị Ngọc L, Trần Thị L11, Lê Văn Ch, Lăng Ngọc B, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy H), hốt hụi được 149.500.000 đồng, đã đóng lại hụi 64.500.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia hốt 05 phần (Lê Thị Tuyết T, Dương Hoài Ph, Nguyễn Thị Cẩm Th, Nguyễn Thị Huỳnh A và Tạ Thị Phương Th) được 123.575.000 đồng, trả lãi 11.950.000 đồng, còn lại 111.625.000 đồng (BL593-596).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 196.6250.000 đồng và còn nợ 05 phần hụi tự lấy hốt, với số tiền 130.975.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 05 hụi viên, gồm: Tạ Thị Phương Th6, Nguyễn Thị Cẩm Th, mỗi người 34.895.000 đồng; Phan Thị Thu H4, Ngô Thị H1 mỗi người 8.700.000 đồng và Dương Thị H1 17.400.000 đồng. Tổng cộng 104.590.000 đồng.

- **Dây hụi 9:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 10/6/2015 (ngày 25/4/2015 âm lịch), có 24 phần, H ghi tên khống tham gia 08 phần (Trần Xuân H8, Trần Thị Ngọc V, Nguyễn Thành D, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị R, Lê Duy A1, Lê Duy A1 và Nguyễn Thị L7), hốt hụi được 263.600.000 đồng, đã đóng lại hụi 154.600.000 đồng, còn lại 109.000.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 02 phần (Nguyễn Thị Cẩm Th và Nguyễn Thị Cẩm Th) được 76.000.000 đồng, trả lãi 1.400.000 đồng, trả lại cho hụi viên 02 phần 121.290.000 đồng, H bị lỗ 46.690.000 đồng (BL 599-601).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 62.310.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 04 hụi viên, gồm: Nguyễn Nhựt L 35.000.000 đồng; Bùi Trần Phương Th8, Trịnh Thị Trà M2 và Trịnh Thị Kim L2 mỗi người 17.500.000 đồng. Tổng cộng 87.500.000 đồng.

- **Dây hụi 10:** Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 30/8/2015 (ngày 17/7/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thức 15 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 12 phần (Thái Thị Diệu L, Thái Thị Diệu L, Thái Thị Diệu L, Thái Thị Diệu L, Trần Thị L11, Ngô Thị Bé Th, Bùi Thị Bé S2, Trần Thị Tú L6, Nguyễn Thị Thúy H, Thái Thị Diệu L, Dương Thị H1, và Nguyễn Thị L7), hốt hụi được 89.700.000 đồng, đã đóng lại hụi 12.000.000 đồng, còn lại 77.700.000 đồng; tự lấy tên hụi viên hốt 01 phần (Trần Thiện Thanh Th3) được 7.530.000 đồng, trả lãi 350.000 đồng, còn lại 7.180.000 đồng (BL 603-606).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 84.880.000 đồng và còn nợ 01 phần hụi lấy hốt, với số tiền 10.780.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 05 hụi viên, gồm: Lê Duy A1, Nguyễn Thị Hồng Nh1, mỗi người 8.700.000 đồng; Nguyễn Thị L3 26.100.000 đồng; Nguyễn Thị L4 17.400.000 đồng và Trần Thiện Thanh Th3 19.480.000 đồng. Tổng cộng 80.380.000 đồng.

- **Dây hụi 11:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 02/9/2015 (ngày 20/7/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 15 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống 05 phần (Trần Thị L11, Phạm Thị Kim Th, Thái Thị Diệu L, Châu Thị N và Nguyễn Thị L7) hốt được 195.910.000 đồng, đã đóng lại hụi 79.500.000 đồng. còn lại 116.410.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia hốt 03 phần (Trần Thị Ngọc H, Lê Duy A1 và Huỳnh Thị Kim Th9) được 117.180.000 đồng, trả lãi 9.750.000 đồng, còn lại 107.430.000 đồng (BL 612-616).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 223.840.000 đồng và còn nợ 03 phần hụi lấy hốt, với số tiền 97.230.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 04 hụi viên, gồm: Huỳnh Thị Kim Th9 64.820.000 đồng; Huỳnh Thị R 21.460.000 đồng; Lê Duy A1 32.410.000 đồng và Lê Thị V5 10.730.000 đồng. Tổng cộng 129.420.000 đồng.

- **Dây hụi 12:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 30/9/2015 (ngày 18/8/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 14 thì tuyên bố vỡ hụi. H tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 06 phần (Phạm Thị Đan D1, Bùi Thị Thuần M, Bùi Thị Thuần M, Phạm Thị Thu H12, Lê Duy A1 và Nguyễn Thị D) được 527.750.000 đồng, trả lãi 51.220.000 đồng, còn lại 476.530.000 đồng (BL 609-611).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 476.530.000 đồng và còn nợ 06 phần hụi lấy hốt với số tiền 303.720.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 03 hụi viên, gồm: Lê Duy A1, Phạm Thị Đan D1 và Nguyễn Thị D, mỗi người 50.620.000 đồng. Tổng cộng 151.860.000 đồng.

- **Dây hụi 13:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 25/11/2015 (ngày 14/10/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 12 thì tuyên bố vỡ hụi; H ghi tên khống tham gia 05 phần (Bùi Thị Thuần M, Trần Thị L11, Nguyễn Thị

Thúy Ng2, Nguyễn Thị Kim H9 và Nguyễn Thị Kim H9), hốt hụi được 307.900.000 đồng, đã đóng lại hụi 75.000.000 đồng, còn lại 232.900.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 03 phần (Thái Thị Diệu L, Huỳnh Thị Phương Th và Nguyễn Uy B) được 203.200.000 đồng, trả lãi 7.160.000 đồng, còn lại 196.040.000 đồng (BL 617-621).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 428.940.000 đồng và còn nợ 03 phần hụi lấy hốt của hụi viên, với số tiền 131.010.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 10 hụi viên, gồm: Trương Thị Tuyết Ng1, Trịnh Thị Kim L2, Phạm Thị Kim Kh, Lê Thị Ngọc D2, Lê Ngọc Th11, Huỳnh Thị R, Cao Thị S, Huỳnh Thị H6 mỗi người 17.800.000 đồng; Lê Thị Thanh Th1 35.600.000 đồng và Nguyễn Uy B 43.670.000 đồng. Tổng cộng 221.670.000 đồng.

- **Dây hụi 14:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 21/12/2015 (ngày 11/11/2015 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 11 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 04 phần (Thiếm U, cô H, Thành D và Đức A), hốt hụi được 316.950.000 đồng, đã đóng lại 83.700.000 đồng, còn lại 233.250.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 01 phần (Nguyễn Thị Lệ Th) được 71.600.000 đồng, trả lãi 6.550.000 đồng, còn lại 65.050.000 đồng (BL 622-625).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 298.300.000 đồng và còn nợ 01 phần hụi lấy hốt với số tiền vốn 42.800.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 10 hụi viên, gồm: Huỳnh Thị Kim Th9, Ngô Thiện Thu H7 mỗi người 33.500.000 đồng; Nguyễn Anh Th2, Nguyễn Thị Anh Th4, Nguyễn Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị KIm C1, Nguyễn Thị Thúy Ng2, Trần Văn Th13 và Trần Xuân H8, mỗi người 16.750.000 đồng. Tổng cộng 201.000.000 đồng.

- **Dây hụi 15:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 18/01/2016 (ngày 09/12/2015 âm lịch), có 25 phần, khui đến lần thứ 10 thì tuyên bố vỡ hụi. H tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 08 phần (Huỳnh Công T, Phạm Lê Bích Ng, Trần Thị Nh, Huỳnh Thị Quý Ph5, Nguyễn Thị Thanh Th14, Huỳnh Thị Thúy V, Châu Thị Mỹ Kh2 và Tám L) được 684.500.000 đồng, trả lãi 7.000.000 đồng, trả lại 01 phần cho hụi viên với số tiền 110.500.000 đồng, còn lại 567.000.000 đồng (BL 627-630).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 567.000.000 đồng và còn nợ 07 phần tự lấy hốt của hụi viên, với số tiền 258.650.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 01 hụi viên Nguyễn Thị Thanh Th14 với số tiền 36.950.000 đồng.

- **Dây hụi 16:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 24/02/2016 (ngày 17/01/2016 âm lịch), có 26 phần, này khui đến lần thứ 09 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 02 phần (Chi ch và Thiếm út B), hốt hụi được 163.800.000 đồng, đã đóng lại hụi 15.800.000 đồng, còn lại 148.000.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 03 phần (Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Thị Ng) được 256.500.000 đồng (BL 632- 634).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 404.500.000 đồng và còn nợ 03 phần lấy hốt với số tiền vốn 101.100.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 08 hụi viên, gồm: Bùi Trần Phương Th8, Huỳnh Thị Bích Ph, Lương Kim Ph1,

Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thị Y, mỗi người 7.500.000 đồng; Nguyễn Thị Kim H9, Nguyễn Thị Thúy Ng2 mỗi người 15.000.000 đồng và Nguyễn Thị L5 22.500.000 đồng. Tổng cộng 90.000.000 đồng.

- **Dây hụi 17:** Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 29/02/2016 (ngày 22/01/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 09 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống 02 phần (Thiếm Út B và T) hốt được 64.150.000 đồng, đã đóng lại hụi 8.000.000 đồng, còn lại 56.150.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 04 phần (Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Kim Tr, Nguyễn Thị Ánh B và Nguyễn Thị Ng) được 117.800.000 đồng, trả lãi 4.680.000 đồng, còn lại 113.120.000 đồng (BL 636-638).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 169.270.000 đồng và còn nợ 04 phần hụi lấy hốt với số tiền vốn 52.720.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 08 hụi viên, gồm: Bùi Thị Tiết H11, Huỳnh Thị Bích Ph, Nguyễn Ngọc Bửu C, Nguyễn Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị D, Trịnh Thị Kim L2, Trương Thị Tuyết Ng1 mỗi người 3.150.000 đồng và Bùi Trương Kim Kh1 6.300.000 đồng. Tổng cộng 28.350.000 đồng.

- **Dây hụi 18:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 04/3/2016 (ngày 26/01/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 09 thì tuyên bố vỡ hụi. H khi tên khống tham gia 06 phần (Mẹ, H, Anh Th, O, C và L), hốt hụi được 234.950.000 đồng, đã đóng lại hụi 18.000.000 đồng, còn lại 216.950.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 01 phần (Châu Thị V4) được 39.900.000 đồng (BL 640-642).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 256.850.000 đồng và còn nợ 01 phần hụi lấy hốt với số tiền vốn 21.300.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 09 hụi viên, gồm: Châu Thị P3, Châu Thị Tr1, Nguyễn Thị Kim C1 mỗi người 28.700.000 đồng; Châu Thị V4 21.300.000 đồng; Lê Ngọc Th11, Nguyễn Ngọc Bửu C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L3 và Phạm Thị Đan TH10 mỗi người 14.350.000 đồng. Tổng cộng 179.150.000 đồng.

- **Dây hụi 19:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu vào ngày 09/3/2016 (ngày 01/02/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 08 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 06 phần (Thiếm Út B, Chị Tr, Anh V, Thiếm T, Cô Tr và Thiếm T) hốt hụi được 362.400.000 đồng, đã đóng lại hụi 30.000.000 đồng, còn lại 332.400.000 đồng (BL 644-646).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 332.400.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 03 hụi viên, gồm: Huỳnh Túy Ph4, Lê Thị V5 và Nguyễn Thị D mỗi người 22.200.000 đồng. Tổng cộng 66.600.000 đồng.

- **Dây hụi 20:** Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu vào ngày 10/4/2016 (ngày 04/3/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 07 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 02 phần (Thiếm Út B và Chú T), hốt hụi được 164.600.000 đồng, trả lãi 2.500.000 đồng, còn lại 162.100.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 02 phần (Nguyễn Thị Kim C1 và Dương Hoài Ph) được 164.600.000 đồng, trả lãi 2.500.000 đồng, còn lại 162.100.000 đồng (BL 648-650)..

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 296.700.000 đồng và còn nợ 02 phần lấy hốt của hụi viên, với số tiền 53.600.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 10 hụi viên, gồm: Dư Anh T1, Dương Thị H1, Hà Thị M1**,** Trần Thị Kim Ng3, Trịnh Thị Kim L2, Trần Xuân H8, Võ Thị V6 mỗi người 7.600.000 đồng; Nguyễn Thị Kim H9, Trần Thị Hồng Th15, mỗi người 15.200.000 đồng và Nguyễn Thị Kim C1 26.800.000 đồng. Tổng cộng 110.400.000 đồng.

- **Dây hụi 21**: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 05/5/2016 (ngày 29/3/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 07 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 01 phần (Thoa 10), hốt hụi được 33.100.000 đồng, đã đóng lại hụi 2.000.000 đồng, còn lại 31.100.000 đồng; tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 04 phần (Lê Thị Kim Ph2, Trần Xuân H8, Phan Kim V7 và Phan Kim V7) được 138.540.000 đồng, trả lãi 600.000 đồng và trả lại 01 phần cho hụi viên, với số tiền 36.070.000 đồng, còn lại 101.870.000 đồng (BL 652-654).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 132.970.000 đồng và còn nợ 03 phần hụi lấy hốt của hụi viên, với số tiền vốn 32.730.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 10 hụi viên, gồm: Lê Thị Kim Ph2, Ngô Thị H1, Nguyễn Bạch Đ1, Nguyễn Thị Thanh Th14, Nguyễn Thị Tr2, Võ Thị V6, mỗi người 1.550.000 đồng; Phan Kim V7 21.820.000 đồng; Trần Thị Kim Ng3, Trần Thị Tú L6 mỗi người 3.100.000 đồng và Trần Xuân H8 14.010.000 đồng. Tổng cộng 51.330.000 đồng.

- **Dây hụi 22**: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 25/6/2016 (ngày 21/5/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 05 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 04 phần, hốt hụi 03 phần (T, Ph và Chị L) được 240.300.000 đồng, đã đóng lại hụi 34.800.000 đồng, còn lại 205.500.000 đồng (BL 656-658).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 205.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 10 hụi viên, gồm: Châu Thị P3, Huỳnh Thị R, Lê Thị Thanh Th1 mỗi người 24.600.000 đồng; Châu Thị Tr1, Châu Thị V4, Nguyễn Nhựt L, Trần Thị Kim Ng3, Trần Thị Tú L6, Trần Thiện Thanh Th3 và Trần Xuân H8, mỗi người 12.300.000 đồng. Tổng cộng 159.900.000 đồng.

- **Dây hụi 23**: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 05/7/2016 (ngày 02/6/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 04 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 03 phần (Thiếm Út B, Thiếm Ch và H), hốt hụi được 93.900.000 đồng, đã đóng lại 6.000.000 đồng, còn lại 87.900.000 đồng (BL 660-662).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 87.900.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 08 hụi viên, gồm: Huỳnh Thị R 15.300.000 đồng. Ngô Thiện Thu H7, Nguyễn Anh Th2, Nguyễn Châu Ngọc Tr3, Nguyễn Thị Anh Th4, Nguyễn Thị Hồng Nh1, Nguyễn Thị L7 và Nguyễn Thị Từ U, mỗi người 5.100.000 đồng. Tổng cộng 51.000.000 đồng.

- **Dây hụi 24**: Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 30/7/2016 (ngày 27/6/2016 âm lịch), có 25 phần, khui đến lần thứ 04 thì tuyên bố vỡ hụi. H tự lấy tên hụi viên tham gia để hốt 03 phần (Bùi Thị Thuần M, Bùi Thị Thuần M và Nguyễn Thị H) được 168.350.000 đồng, trả lãi 550.000 đồng, còn lại 167.800.000 đồng (BL 662-664).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 167.800.000 đồng và còn nợ 03 phần lấy hốt với số tiền 28.800.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H đã thỏa thuận và cấn trừ tiền xong với các hụi viên, không còn chiếm đoạt.

- **Dây hụi 25**: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 08/8/2016 (ngày 06/7/2016 âm lịch), có 24 phần, H ghi tên khống 03 phần, hốt 02 phần (Thiếm Út B và Đ), được 69.500.000 đồng. Dây hụi này khui đến lần thứ 03 thì tuyên bố vỡ hụi (BL 666-668).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 69.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 08 hụi viên, gồm: Đinh Thị Ngọc Y1, Lê Thị V5, Ngô Thái D3, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L3, Phạm Thị Đan D1, Phan Kim V7, mỗi người 4.000.000 đồng; Lê Thị Thanh Th1 8.000.000 đồng. Tổng cộng 36.000.000 đồng.

- **Dây hụi 26**: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 12/9/2016 (ngày 12/8/2016 âm lịch), có 27 phần, khui đến lần thứ 02 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 12 phần, hốt hụi 01 phần (Linh TV) được 58.500.000 đồng, đã đóng lại hụi 48.000.000 đồng, còn lại 10.500.000 đồng (BL 671-673).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 10.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 07 hụi viên, gồm: Cao Thị S, Nguyễn Thị Kim H9, Nguyễn Thị Thúy A2, Trương Thị Lệ Th5 mỗi người 4.000.000 đồng; Huỳnh Thị Kim Th9, Lê Thị Thanh Th1 và Nguyễn Thị D, mỗi người 8.000.000 đồng. Tổng cộng 40.000.000 đồng.

- **Dây hụi 27:** Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 19/9/2016 (ngày 19/8/2016 âm lịch), có 24 phần, khui đến lần thứ 02 thì tuyên bố vỡ hụi. H tham gia 08 phần hốt 02 phần được 74.600.000 đồng.

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 74.600.000 đồng. Đến khi vỡ hụi dây hụi này, H đã thỏa thuận và cấn trừ tiền xong với các hụi viên, không còn chiếm đoạt.

- **Dây hụi 28**: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 02/10/2016 (ngày 02/9/2016 âm lịch), có 27 phần, khui đến lần thứ 02 thì tuyên bố vỡ hụi. H ghi tên khống tham gia 10 phần, hốt hụi 01 phần (Thiếm Út) được 61.500.000 đồng (BL 678-680).

Trong dây hụi này, H lĩnh hụi được số tiền 61.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi, H còn chiếm đoạt của 09 hụi viên, gồm: Dương Thị H1, Huỳnh Thị R, Lê Thị V5, Nguyễn Châu Ngọc Tr3, Nguyễn Thị Anh Th4, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thu Ng, Trương Thị Lệ Th5, mỗi người 4.000.000 đồng và Lê Thị Thanh Th1 8.000.000 đồng. Tổng cộng 40.000.000 đồng.

Tổng cộng, H đã chiếm đoạt của 71 hụi viên, với tổng số tiền là 2.871.890.000 đồng. Ngày 28/11/2018, H bị khởi tố, điều tra. Quá trình điều tra, truy tố, gia đình bị cáo nộp 1.000.000.000 đồng trả lại cho các bị hại.

- Vật chứng thu giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 817443 có diện tích 29,8m^2, 02 quyển sổ dùng để ghi hụi có chữ ký của Trần Thị Ngọc H và 1.000.000.000 đồng do gia đình bị can giao nộp để khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang có Công văn số 217/PC01-D2 ngày 26/02/2019 gửi Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện P (BL 2969) đề nghị tạm dừng giải quyết các thủ tục liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Trần Thị Ngọc H và Huỳnh Phú V8 đứng tên, hiện đang quản lý, gồm:

+ 01 thửa đất có diện tích 91 m^2, số thửa 06, tờ bản đồ số 38, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 252520 vào sổ số CH01556 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31/10/2012;

+ 01 thửa đất có diện tích 90 m^2, số thửa 05, tờ bản đồ số 38, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 252520 vào sổ số CH01555 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31/10/2012;

+ 01 thửa đất có diện tích 29,8 m^2, số thửa 87, tờ bản đồ số 36, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại thị trấn P1, huyện P, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 817443 vào sổ số H1216bC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/8/2007.

Bản Cáo trạng số 44/CT-VKSAG.P1 ngày 29/8/2019 của Viện kiểm sát nH dân tỉnh An Giang đã quyết định truy tố Trần Thị Ngọc H, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, bị cáo thú nhận vì mất khả năng thanh toán do một số hụi viên khác giựt nợ nên đã kê tên khống hốt 106 phần hụi, chiếm đoạt 4.129.400.000 đồng và tự ý lấy hốt 90 phần hụi của các hụi viên hốt, chiếm đoạt 4.794.375.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 8.923.775.000 đồng.

Bị cáo và các bị hại có mặt đã thống nhất bản đối chiếu tại cơ quan điều tra và phần tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã được thể hiện như trong Cáo trạng. Các bị hại yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, đồng thời hoàn trả lại số tiền mà bị cáo chiếm đoạt.

Riêng đối với bị hại Trần Xuân H8 yêu cầu được hoàn trả với số tiền mà bị cáo tự ý mượn tên của Hiếu hốt hụi.

Các bị hại vắng mặt, đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai, bản đối chiếu tại cơ quan điều tra và bị cáo đã thừa nhận số tiền chiếm đoạt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có lời khai trong quá trình điều tra cùng bị cáo xác nhận số tiền bị cáo đã lấy, gồm: Châu Thị Mỹ Kh2 18.000.000 đồng, Dương Minh L8 41.500.000 đồng, Hà Trúc L9 9.600.000 đồng,

Nguyễn Thị M3 82.000.000 đồng, Thái Thị Thu C2 42.000.000 đồng và Trần Thị Hải Ng4 42.000.000 đồng; tổng cộng 235.100.000 đồng.

Ông Dương Minh L8 và bà Trần Thị Hải Ng4 yêu cầu bị cáo phải trả số tiền đã nhận.

2 người làm chứng Lê Thị Tuyết T và Nguyễn Thị M3 Linh khai có tham gia hụi viên do bị cáo làm chủ nhưng không rõ bị cáo đã có hành vi kê khống tên và mượn tên hụi viên khác để hốt hụi, chiếm đoạt tiền của các hụi viên.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có hành vi lừa dối với thủ đoạn ghi tên khống và tự ý lấy tên hụi viên để hốt hụi, chiếm đoạt 2,871,890,000 đồng của 71 bị hại.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã động viên gia đình tự nguyện nộp 1.000.000.000 đồng để hoàn trả bị hại, có thái độ thành khẩn nhận tội thể hiện sự ăn năn hối cải và đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Huỳnh Phú V8 (chồng bị cáo) không tham gia nên không truy cứu trách nhiệm hình sự và không buộc trách nhiệm dân sự V8 liên đới cùng bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 14 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 1 tỷ đồng, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 817443 có diện tích 29,8m^2, ngăn chặn chuyển dịch 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản của Cơ quan điều tra để đảm bảo cho việc thi hành án.

02 quyển sổ dùng để ghi hụi có chữ ký của bị cáo lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo trả cho các bị hại.

Bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội phạm và tội danh theo quan điểm buộc tội của Kiểm sát viên. Bào chữa đồng tình với Kiểm sát viên về 3 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 và đề nghị áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 "Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ" cho bị cáo.

Bị cáo có nH tH tốt, cha có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bào chữa không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên vì tội phạm của bị cáo đã hoàn

thành và tổng cộng các lần chiếm đoạt thì bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với 4 tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị hại cho là bị cáo đã có trình độ cử nhân luật nhưng lại cố ý vi phạm pháp luật. Tình tiết Kiểm sát viên để bị cáo được giảm nhẹ về tích cực hợp tác điều tra là không căn cứ vì Điều tra viên phát hiện và bị cáo phải chấp nhận.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên phản bác quan điểm của bào chữa tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo không có thành tích để được xem xét giảm nhe.

Về điểm g khoản 1 Điều 52 áp dụng tình tiết phạm tội 2 lần trở lên không nằm trong tình tiết phạm tội tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự chiếm đoạt từ 500.000.000 đồng trở lên.

Không áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo có tính chất, mức độ phạm tội rất nghiêm trọng.

Kiểm sát viên và người bào chữa vẫn giữ quan điểm trong tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo đã thành thật xin lỗi đối với các bị hại và xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng một số bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vẫn vắng mặt không có lý do. Thấy rằng, Cơ quan điều tra đã ghi lời khai, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, áp dụng Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về sự vắng mặt của người được chỉ định bào chữa: Bà Hồ Hoàng Ph2, luật sư Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng Ph2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Tại phiên tòa, bị cáo từ chối người bào chữa. Áp dụng khoản 3 Điều 77 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị từ chối của bị cáo.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về người bào chữa đã sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vì bị các hụi viên sau khi hốt hụi không chầu lại hụi chết, dẫn đến mất khả năng thanh toán tiền cho các hụi viên đang tham gia chơi hụi. Để duy trì các dây hụi, từ đầu năm 2014, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên bằng thủ đoạn kê khống tên hụi viên và tự ý lấy tên hụi viên để hốt hụi.Với 28 dây hụi, bị cáo đã hốt 106 phần hụi ghi tên khống, gồm: Sang T4, H, Loan mt, Duy L, Quý Ph, Ánh Ng, H, S, Anh Th, Công M, Kim C, Hoàng Ph, Hữu Ngh, L, Lệ Th, Tuyết, Kim Ph, Bích L, H, L, Diệu L, Ánh B, BS Kh, Ng, Trâm A, Đức A, Xuân H, Tú TK, Thiếm Kh, Anh Th, Ngọc L, Ch, Ngọc B, T, Thúy H, Ngọc V, Thành D, Y, R, Duy A, Bé Th, Tú L, Kim Th, N, Đan D, Thuần M, Thu H, D, Thúy Ng, Kim H, Thiếm U, cô H, Công T, Bích Ng, Nh, Thanh Th, Thúy V, Mỹ Kh, Tám L, Chi ch, Thiếm Út B, để hốt hụi, chiếm đoạt được 4.129.400.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn tự ý lấy hốt 90 phần hụi của các hụi viên tham gia, gồm: Thanh Th, Thế Ph, Kim Ph, Thu H, Ph, S, Kim H, Tr, H, Anh Th, Cẩm T, Thanh Th, Hoàng Ph, Q, Lệ Th, Anh Th, Thu Ng, Hoàng V, R, L, Bạch Đ, Nh, Q, D, Kim Ph, Xuân Th, Tuyết T, Hoài Ph, Cẩm Th, Huỳnh A, Phương Th, Ngọc H, Duy A, Kim Th, Diệu L, Phương Th, Uy B, Lệ Th, Ng, Kim Tr, Ánh B, V, Kim Ch, Xuân H, Kim V, Thuần M, H, hốt hụi, chiếm đoạt được 4.794.375.000 đồng, tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 8.923.775.000 đồng.

Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức thực hiện hành vi, thấy và đã thực hiện được hậu quả chiếm đoạt tiền của hụi viên, chứng minh được bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến sở hữu của người khác.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các biên bản đối chất, chứng cứ được thu thập từ sổ hụi của bị cáo, kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với số tiền chiếm đoạt 8.923.775.000 đồng và bị cáo đã thực hiện 106 lần hốt hụi khống và 90 lần mượn tên hụi viên hốt, là tình tiết định khung tăng nặng – phạm tội từ 2 lần trở lên.

Tội phạm của bị cáo đã hoàn thành ngay sau khi chiếm đoạt số tiền 8.923.775.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đã dàn xếp, thỏa thuận cấn trừ nợ qua lại với các hụi viên và đã khắc phục được số tiền 6.051.885.000 đồng cho các hụi viên. Viện kiểm sát miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo đối với số tiền này là có căn cứ theo quy định điểm c khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Số tiền còn lại 2.871.890.000 đồng, bị cáo vỡ hụi và bỏ trốn, chiếm đoạt của 71 hụi viên, là khoản định lượng của bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4] Về áp dụng pháp luật:

Bị cáo phạm tội vào thời điểm từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2016. Quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 hoàn toàn trùng hợp điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sở hữu người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương.

[5.2] NH tH bị cáo được sinh ra, lớn lên trong gia đình giàu truyền thống cách mạng, bản tH cũng được học tập với trình độ cử nH luật, là công chức ở cơ quan hành chính địa phương, được Đảng, Nhà nước giáo dục và có điều kiện phát triển tốt về sự nghiệp chính trị. Bị cáo đã không muốn ổn định cuộc sống bằng đồng lương, tham gia hụi và khi không còn khả năng bù đắp cho các khoản nợ mà các hụi viên khác giựt để rồi chính bị cáo cũng lại là người giựt nợ hụi viên của mình bằng thủ đoạn lừa dối chiếm đoạt.

[5.3] Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự

Chấp nhận theo đề nghị của người bào chữa và quan điểm của Kiểm sát viên về tình tiết giảm nhẹ của bị cáo là động viên gia đình tự nguyện nộp 1.000.000.000 đồng để hoàn trả bị hại, có thái độ thành khẩn nhận tội thể hiện sự ăn năn hối cải và quá trình điều tra bị cáo cũng đã khai báo thể hiện sự tích cực hợp tác tốt với cơ quan điều tra, nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngoài ra, cha ruột của bị cáo là người có công với nước và có thành tích xuất sắc trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, được coi là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 "Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ" người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận vì bản tH bị cáo không thỏa mãn tình tiết này.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như quan điểm của Kiểm sát viên; không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho là bị cáo không có tình tiết này.

Thấy rằng, khấu trừ tình tiết tăng nặng, bị cáo còn được 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, xét quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và nằm trong khung hình phạt liền kề tại khoản 3 Điều 174 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Tại phiên tòa, có một số bị hại vắng mặt và tại Cơ quan điều tra đã có yêu cầu được bị cáo hoàn trả thiệt hại và số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được đối chiếu với người bị hại tại Cơ quan điều tra, xét không cần thiết tách vụ ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, mà buộc bị cáo phải hoàn trả.

Riêng đối với yêu cầu của bị hại Trần Xuân H8 đòi bị cáo phải trả số tiền mà bị cáo lấy tên H hốt hụi, không thể chấp nhận. Bởi vì, việc lừa dối của bị cáo không chỉ với H mà tất cả các thành viên trong dây hụi. Do vậy, phần chầu hụi của H là khoản tiền bị cáo chiếm đoạt, phải có trách nhiệm hoàn trả.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho các người bị hại:

Lê Thị Đ 24,070,000 đồng, Lê Thị Thanh Th1 187,760,000 đồng, Dương Thị H1 81,750,000 đồng, Nguyễn Anh Th2 74,600,000 đồng, Trần Thiện Thanh Th3 111,780,000 đồng, Nguyễn Thị Thu Ng 84,000,000 đồng, Nguyễn Thị Anh Th4 105,850,000 đồng, Lê Thị V5 120,930,000 đồng, Trương Thị Lệ Th5 88,000,000 đồng, Đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị R 175,720,000 đồng, Hà Thị M1 34,940,000 đồng, Nguyễn Bạch Đ1 47,830,000 đồng, Nguyễn Hoàng V1 53,780,000 đồng, Ngô Thị Nh 46,280,000 đồng, Lê Thị Kim Ph2 47,100,000 đồng, Nguyễn Thị D 151,870,000 đồng, Nguyễn Thị Từ U 14,600,000 đồng, Ngô Thị H1 16,910,000 đồng, Nguyễn Văn H2 6,660,000 đồng, Tạ Thị Phương Th6 34,895,000 đồng, Nguyễn Thị Cẩm Th16 51,645,000 đồng, Phan Thị Thu H4 8,700,000 đồng, Nguyễn Nhựt L 47,300,000 đồng, Bùi Trần Phương Th8 25,000,000 đồng, Trịnh Thị Trà M2 17,500,000 đồng, Trịnh Thị Kim L2 46,050,000 đồng, Lê Duy A1 91,730,000 đồng, Nguyễn Thị Hồng Nh1 13,800,000 đồng, Nguyễn Thị L3 44,450,000 đồng, Nguyễn Thị L4 17,400,000 đồng, Huỳnh Thị Kim Th9 106,320,000 đồng, Phạm Thị Đan D1 54,620,000 đồng, Trương Thị Tuyết Ng1 20,950,000 đồng, Phạm Thị Kim Kh 17,800,000 đồng, Lê Thị Ngọc D2 17,800,000 đồng, Lê Ngọc Th11 32,150,000 đồng, Cao Thị S 21,800,000 đồng, Huỳnh Thị H6 17,800,000 đồng, Nguyễn Uy B 43,670,000 đồng, Ngô Thiện Thu H7 38,600,000 đồng, Nguyễn Thị Cẩm T2 19,900,000 đồng, Nguyễn Thị KIm C1 72,250,000 đồng, Nguyễn Thị Thúy Ng2 31,750,000 đồng, Trần Văn Th13 16,750,000 đồng, Trần Xuân H8 50,660,000 đồng, Nguyễn Thị Thanh Th14 38,500,000 đồng, Huỳnh Thị Bích Ph 10,650,000 đồng, Lương Kim Ph1 7,500,000 đồng, Nguyễn Thị Y: 7,500,000 đồng, Nguyễn Thị Kim H9 34,200,000 đồng, Nguyễn Thị L5 22,500,000 đồng, Bùi Thị Tiết H11 3,150,000 đồng, Nguyễn Ngọc Bửu C 17,500,000 đồng, Bùi Trương Kim Kh1 6,300,000 đồng, Châu Thị P3 53,300,000 đồng, Châu Thị Tr1 41,000,000 đồng, Châu Thị V4 33,600,000 đồng, Phạm Thị Đan TH10 14,350,000 đồng, Huỳnh Túy Ph4 22,200,000 đồng, Dư Anh T1 7,600,000 đồng, Trần Thị Kim Ng3 23,000,000 đồng, Võ Thị V6 9,150,000 đồng, Trần Thị Hồng Th15 15,200,000 đồng, Nguyễn Thị Tr2 1,550,000

đồng, Phan Kim V7 25,820,000 đồng, Trần Thị Tú L6 15,400,000 đồng, Nguyễn Châu Ngọc Tr3 9,100,000 đồng, Nguyễn Thị L7 5,100,000 đồng, Đinh Thị Ngọc Y1 4,000,000 đồng, Ngô Thái D3 4,000,000 đồng, Nguyễn Thị Thúy A2 4,000,000 đồng.

Yêu cầu của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu là có căn cứ chấp nhận, buộc bị cáo trả cho Châu Thị Mỹ Kh2 18.000.000 đồng, Dương Minh L8 41.500.000 đồng, Hà Trúc L9 9.600.000 đồng, Nguyễn Thị M3 82.000.000 đồng, Thái Thị Thu C2 42.000.000 đồng và Trần Thị Hải Ng4 42.000.000 đồng; tổng cộng 235.100.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Điều 128 quy định kê biên tài sản thuộc thẩm quyền của những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Công văn số 217/PC01-D2 ngày 26/02/2019 của Phó Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang không là quyết định tố tụng, không có căn cứ để duy trì hiệu lực của quyết định.

Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 1 tỉ đồng và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 817443 có diện tích 29,8m^2 của Kiểm sát viên để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

02 quyển sổ dùng để ghi hụi có chữ ký của Trần Thị Ngọc H lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trách nhiệm hoàn trả thiệt hại: 3.106.990.000 đồng, bị cáo phải chịu án phí 94.139.800 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc H, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Trần Thị Ngọc H: 10 (mười) năm tù;

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam 01/12/2018.

[2]. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Thị Đ: 24.070.000 đồng

(hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng);

2. Lê Thị Thanh Th1: 187.760.000 đồng

(Một trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng);

3. Dương Thị H1: 81.750.000 đồng

(Tám mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

4. Nguyễn Anh Th2: 74.600.000 đồng

(Bảy mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);

5. Trần Thiện Thanh Th3: 111.780.000 đồng

(Một trăm mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng);

6. Nguyễn Thị Thu Ng: 84.000.000 đồng

(Tám mươi bốn triệu đồng);

7. Nguyễn Thị Anh Th4: 105.850.000 đồng

(Một trăm lẻ năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng);

8. Lê Thị V5: 120.930.000 đồng

(Một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng);

9. Trương Thị Lệ Th5: 88.000.000 đồng

(Tám mươi tám triệu đồng);

10. Đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị R: 175.720.000 đồng

(Một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng);

11. Hà Thị M1: 34.940.000 đồng

(Ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng);

12. Nguyễn Bạch Đ1: 47.830.000 đồng

(Bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng);

13. Nguyễn Hoàng V1: 53.780.000 đồng

(Năm mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng);

14. Ngô Thị Nh: 46.280.000 đồng

(Bốn mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng);

15. Lê Thị Kim Ph2: 47.100.000 đồng

(Bốn mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng);

16. Nguyễn Thị D: 151.870.000 đồng

(Một trăm năm mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng);

17. Nguyễn Thị Từ U: 14.600.000 đồng

(Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);

18. Ngô Thị H1: 16.910.000 đồng

(Mười sáu triệu chín trăm mười nghìn đồng);

19. Nguyễn Văn H2: 6.660.000 đồng

(Sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng);

20. Tạ Thị Phương Th6: 34.895.000 đồng

(Ba mươi bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng);

21. Nguyễn Thị Cẩm Th16: 51.645.000 đồng

(Năm mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng);

22. Phan Thị Thu H4: 8.700.000 đồng

(Tám triệu bảy trăm nghìn đồng);

23. Nguyễn Nhựt L: 47.300.000 đồng

(Bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng);

24. Bùi Trần Phương Th8: 25.000.000 đồng

(Hai mươi lăm triệu đồng);

25. Trịnh Thị Trà M2: 17.500.000 đồng

(Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

26. Trịnh Thị Kim L2: 46.050.000 đồng

(Bốn mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng);

27. Lê Duy A1: 91.730.000 đồng

(Chín mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng);

28. Nguyễn Thị Hồng Nh1: 13.800.000 đồng

(Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng);

29. Nguyễn Thị L3: 44.450.000 đồng

(Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);

30. Nguyễn Thị L4: 17.400.000 đồng

(Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng);

31. Huỳnh Thị Kim Th9: 106.320.000 đồng

(Một trăm lẻ sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng);

32. Phạm Thị Đan D1: 54.620.000 đồng

(Năm mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng);

33. Trương Thị Tuyết Ng1: 20.950.000 đồng

(Hai mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng);

34. Phạm Thị Kim Kh: 17.800.000 đồng

(Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng);

35. Lê Thị Ngọc D2: 17.800.000 đồng

(Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng);

36. Lê Ngọc Th11: 32.150.000 đồng

(Ba mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);

37. Cao Thị S: 21.800.000 đồng

(Hai mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng);

38. Huỳnh Thị H6: 17.800.000 đồng

(Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng);

39. Nguyễn Uy B: 43.670.000 đồng

(Bốn mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng);

40. Ngô Thiện Thu H7: 38.600.000 đồng

(Ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng);

41. Nguyễn Thị Cẩm T2: 19.900.000 đồng

(Mười chín triệu chín trăm nghìn đồng);

42. Nguyễn Thị KIm C1: 72.250.000 đồng

(Bảy mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);

43. Nguyễn Thị Thúy Ng2: 31.750.000 đồng

(Ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

44. Trần Văn Th13: 16.750.000 đồng

(Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

45. Trần Xuân H8: 50.660.000 đồng

(Năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng);

46. Nguyễn Thị Thanh Th14: 38.500.000 đồng

(Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng);

47. Huỳnh Thị Bích Ph: 10.650.000 đồng

(Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

48. Lương Kim Ph1: 7.500.000 đồng

(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

49. Nguyễn Thị Y: 7.500.000 đồng

(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

50. Nguyễn Thị Kim H9: 34.200.000 đồng

(Ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng);

51. Nguyễn Thị L5: 22.500.000 đồng

(Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng);

52. Bùi Thị Tiết H11: 3.150.000 đồng

(Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);

53. Nguyễn Ngọc Bửu C: 17.500.000 đồng

(Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

54. Bùi Trương Kim Kh1: 6.300.000 đồng

(Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

55. Châu Thị P3: 53.300.000 đồng

(Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng);

56. Châu Thị Tr1: 41.000.000 đồng

(Bốn mươi mốt triệu đồng);

57. Châu Thị V4: 33.600.000 đồng

(Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng);

58. Phạm Thị Đan TH10 : 14.350.000 đồng

(Mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

59. Huỳnh Túy Ph4: 22.200.000 đồng

(Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng);

60. Dư Anh T1: 7.600.000 đồng

(Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng);

61. Trần Thị Kim Ng3: 23.000.000 đồng

(Hai mươi ba triệu đồng);

62. Võ Thị V6: 9.150.000 đồng

(Chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);

63. Trần Thị Hồng Th15: 15.200.000 đồng

(Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng);

64. Nguyễn Thị Tr2: 1.550.000 đồng

(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng);

65. Phan Kim V7: 25.820.000 đồng

(Hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng);

66. Trần Thị Tú L6: 15.400.000 đồng

(Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng);

67. Nguyễn Châu Ngọc Tr3: 9.100.000 đồng

(Chín triệu một trăm nghìn đồng);

68. Nguyễn Thị L7: 5.100.000 đồng

(Năm triệu một trăm nghìn đồng);

69. Đinh Thị Ngọc Y1: 4.000.000 đồng

(Bốn triệu đồng);

70. Ngô Thái D3: 4.000.000 đồng

(Bốn triệu đồng);

71. Nguyễn Thị Thúy A2: 4.000.000 đồng

(Bốn triệu đồng);

72. Châu Thị Mỹ Kh2: 18.000.000 đồng;

(Mười tám triệu đồng);

73. Dương Minh L8: 41.500.000 đồng

(Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng);

74. Hà Trúc L9 9.600.000 đồng

(Chín triệu sáu trăm nghìn đồng);

75. Nguyễn Thị M3 82.000.000 đồng

(Tám mươi hai triệu đồng);

76. Thái Thị Thu C2 42.000.000 đồng

(Bốn mươi hai triệu đồng);

77. Trần Thị Hải Ng4 42.000.000 đồng

(Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục tạm giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 817443 có diện tích 29,8m^2 và 1.000.000.000 (một tỉ) đồng do gia đình bị cáo giao nộp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 02 quyển sổ dùng để ghi hụi có chữ ký của Trần Thị Ngọc H theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 10/7/2017 của Công an huyện P.

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 94.139.800 đồng (chín mươi bốn triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, được tính kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát ND tỉnh (2 bản);
- Người bào chữa;
- Cơ quan Điều tra – Công an tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự tỉnh;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng (2);
- "Lưu": HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

La Hồng